

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **492/2018/HNGĐ - ST**
Ngày: 26/9/2018
V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sượn**

2. Ông **Nguyễn Văn C**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyễn đ ơn: Trần Thị Thanh A, sinh năm 1978 (có mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang;

2. Bị đ ơn: Trần Văn B, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Thanh A trình bày:*

Chị và anh B tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang vào năm 1999 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 02 tháng 8 năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên nhậu nhẹt, chửi mắng vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị và anh B tuy vẫn còn sống chung nhà nhưng anh chị không quan tâm, chăm sóc cho nhau và đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh B do tình cảm không còn.

Về con chung: Chị A và anh B có 03 con chung: Trần Hoài C, sinh ngày 03/11/2011; Trần Thị Trúc P, sinh ngày 18/6/2003 và Trần Thị Hoài D, sinh ngày 26/3/2000.

Cháu D hiện đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, cháu C, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A khai vợ chồng chị có một số tài sản chung nhưng chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị A khai vợ chồng chị không có nợ chung.

* Bị đơn anh Trần Văn B vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Trần Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 02/8/1999 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh B thường trú tại ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang. Nay chị A xin ly hôn với anh B nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và anh B ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị A cho rằng anh B thường xuyên nhậu nhẹt, chửi mắng vợ con, không sửa đổi dù chị đã nhiều lần khuyên bảo. Tòa án

nhiều lần triệu tập anh B đến hòa giải nhằm tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh B không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở pháp luật, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị A được ly hôn với anh B.

[4] **Về con chung:** Chị A và anh B có 03 con chung tên Trần Hoài C, sinh ngày 03/11/2011; Trần Thị Trúc P, sinh ngày 18/6/2003 và Trần Thị Hoài D, sinh ngày 26/3/2000.

Xét thấy cháu D đã trưởng thành, riêng cháu C, cháu P còn nhỏ và hiện đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai, cháu P thể hiện mong muốn được sống cùng mẹ, anh B vắng mặt và không có văn bản thể hiện anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung. Do đó, để đảm bảo cho cháu C, P có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt nên Hội đồng xét xử đồng ý giao cháu C, P cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] **Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Về tài sản chung:** Tại phiên tòa, anh B vắng mặt, chị A trình bày vợ chồng anh, chị có một số tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] **Về nợ chung:** Tại phiên tòa, anh B vắng mặt, chị A trình bày chị và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[8] **Về án phí:** Chị A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh A.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh A được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thanh A và anh Trần Văn B có 03 con chung tên Trần Hoài C, sinh ngày 03/11/2011, Trần Thị Trúc P, sinh ngày 18/6/2003 và Trần Thị Hoài D, sinh ngày 26/3/2000 (đã trưởng thành);

Chị Trần Thị Thanh A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Trần Hoài C và Trần Thị Trúc P;

Chị Trần Thị Thanh A không yêu cầu anh Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Trần Thị Thanh A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0014612 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy chị A đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B tính từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Tài

